

Số: 4290/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc mới ban hành
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội**

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về
tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng
Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo
Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp
hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả
thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc: Ban Tín dụng người nghèo, Ban Pháp chế
NHCSXH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục giải quyết công việc
(TTGQCV) mới ban hành cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của
NHCSXH (Danh mục các thủ tục được công bố tại Phần A và nội dung cụ thể
của từng thủ tục tại Phần B ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Pháp chế và các Ban chuyên
môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Giám đốc: Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công

nghệ thông tin, Sở giao dịch và Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp (b/cáo);
- Tổng Giám đốc (b/cáo);
- Trưởng BKS; các Phó TGD, KTT;
- Ban HTQT&TT: đăng trên Website NHCSXH;
- TTCNTT: truyền Fastnet cho CN tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TDNN, PC./.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Hải

**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC MỚI BAN HÀNH
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4290 /QĐ-NHCS ngày 15 /12/2015
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)*

Phần A
DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

SỐ TT	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng để trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP	Hoạt động tín dụng	NHCSXH (cấp tỉnh, huyện) nơi thực hiện thủ tục	
2	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng để trồng rừng sản xuất theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP	<i>Như trên</i>	<i>Như trên</i>	



Phần B

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4290/QĐ-NHCS ngày 25 / 12 /2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

1. Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng để trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- Tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi cư trú hợp pháp.

- Viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) và kê khai các thông tin vào Sổ vay vốn kèm các giấy tờ liên quan gửi Ban quản lý Tổ TK&VV.

Bước 2: Ban quản lý Tổ TK&VV:

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD) kèm hồ sơ vay vốn của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận cụ thể “Các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã; thuộc diện hộ DTTS (gồm: Số thứ tự:.....), thuộc diện hộ người Kinh nghèo (gồm: Số thứ tự:.....). Trường hợp, thành viên trong hộ gia đình đứng tên vay vốn không trùng với tên người được giao đất, giao rừng theo quy định thì phải được UBND cấp xã nơi hộ vay cư trú xác nhận mối quan hệ của hộ cùng là thành viên trong một hộ gia đình trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD);

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã.

Bước 3: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn và phê duyệt cho vay sau khi đã nhận đủ hồ sơ từ Ban quản lý Tổ TK&VV;

- Gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã để thông báo đến người vay.

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần hồ sơ:



- Người vay kê khai:

+ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD): 01 bản chính (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Sổ vay vốn: 02 bản chính (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Ban quản lý Tổ TK&VV lập:

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD): 04 bản (Tổ TK&VV lưu 01 bản chính, Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao);

+ Biên bản họp Tổ TK&VV đối với trường hợp kết nạp thêm tổ viên mới (mẫu số 10C/TD): 02 bản (01 bản chính lưu Tổ TK&VV, 01 bản sao lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Giấy tờ có liên quan:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền (Đối với bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng sản xuất; Hợp đồng khoán bảo vệ rừng (Đối với nhận khoán bảo vệ rừng): 01 bản sao (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Thiết kế - dự toán trồng rừng do cơ quan nhà nước được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao hoặc ủy quyền phê duyệt đối với người vay trồng rừng sản xuất: 01 bản sao có chứng thực (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình (vay vốn thông qua Tổ TK&VV)

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD);

- Sổ vay vốn.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:



- Người vay là tổ viên Tổ TK&VV;

- Người vay vốn trồng rừng sản xuất phải là: Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi theo tiêu chí của Thủ tướng Chính phủ quy định, có thực hiện hoạt động trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất;

- Người vay vốn chăn nuôi trâu, bò, gia súc khác phải là: Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi theo tiêu chí của Thủ tướng Chính phủ quy định, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng (*bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được nhà nước giao đất, nhận khoán bảo vệ rừng*);

- Người vay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) do Ban quản lý Tổ TK&VV lập.

- Có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020;

- Thông tư số 27/2015/TT-NHNN ngày 15/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định 75/2015/NĐ-CP;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 4288/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ giai đoạn 2015 – 2020.



2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng để trồng rừng sản xuất theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- Tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi cư trú hợp pháp.

- Lập Dự án vay vốn (mẫu số 01/DATR) và kê khai các thông tin vào Sổ vay vốn kèm các giấy tờ liên quan gửi Ban quản lý Tổ TK&VV.

Bước 2: Ban quản lý Tổ TK&VV:

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD) kèm hồ sơ vay vốn của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận cụ thể: “Các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã; thuộc diện hộ DTTS (gồm: Số thứ tự:.....), thuộc diện hộ người Kinh nghèo (gồm: Số thứ tự:.....), và xác nhận trên Dự án vay vốn (mẫu số 01/DATR) của người vay;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã.

Bước 3: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn;

- Thực hiện thẩm định dự án vay vốn tại nơi trồng rừng theo (mẫu số 01/TĐ);

- Trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt cho vay;

- Gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã để thông báo đến người vay.

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần hồ sơ:

- Người vay kê khai:

+ Dự án vay vốn (mẫu số 01/DATR): 02 bản chính (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Sổ vay vốn: 02 bản chính (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Ban quản lý Tổ TK&VV lập:



+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD): 04 bản (Tổ TK&VV lưu 01 bản chính, Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao);

+ Biên bản họp Tổ TK&VV đối với trường hợp kết nạp thêm tổ viên mới (mẫu số 10C/TD): 02 bản (01 bản chính lưu Tổ TK&VV, 01 bản sao lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Giấy tờ có liên quan:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền (Đối với bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng sản xuất): 01 bản sao (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Thiết kế - dự toán trồng rừng do cơ quan nhà nước được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao hoặc ủy quyền phê duyệt đối với người vay trồng rừng sản xuất: 01 bản sao có chứng thực (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình (vay vốn thông qua Tổ TK&VV)

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

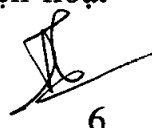
- Dự án vay vốn (mẫu số 01/DATR);

- Sổ vay vốn.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Người vay là tổ viên Tổ TK&VV.

- Người vay vốn trồng rừng sản xuất phải là: Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi theo tiêu chí của Thủ tướng Chính phủ quy định, có thực hiện hoạt



động trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất;

- Người vay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) do Ban quản lý Tổ TK&VV lập.

- Có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự;

- Phải có Dự án vay vốn phù hợp với thiết kế - dự toán trồng rừng được phê duyệt và việc đầu tư phát triển chăn nuôi (nếu có).

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

- Thông tư số 27/2015/TT-NHNN ngày 15/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định 75/2015/NĐ-CP;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 4288/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ giai đoạn 2015 – 2020.





GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIỂM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay:.....

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

- Họ tên người vay:..... Năm sinh:.....
 - Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....
 - Địa chỉ cư trú: thôn.....; xã.....huyện.....
 - Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà)làm tổ trưởng.
 - Thuộc tổ chức Hội:.....quản lý.

- Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:.....đồng
(Bằng chữ.....)

Để thực hiện phương án:.....

Tổng nhu cầu vốn:.....đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có tham gia:.....đồng.

+ Vốn vay NHCSXH:.....đồng để dùng vào việc:

Đối tượng

Số lượng

Thành tiền

.....
.....
.....

- Thời hạn xin vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày..... tháng năm

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên

hoặc điểm chỉ)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)

2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.

4. Số tiền trả nợ: đồng/lần.Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

(Tổ trưởng) TD

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

DỰ ÁN VAY VỐN

(Áp dụng đối với người vay trồng rừng sản xuất trên 50 triệu đồng)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội:.....

I. THÔNG TIN VỀ HỘ VAY VỐN

- Họ tên người vay:sinh ngày: .../.../.....; Nam/Nữ.
CMND số:; cấp ngày: .../.../.....; nơi cấp:
- Địa chỉ: thôn....., xã....., huyện.....
- Điện thoại:
- Họ tên người thừa kế:.....Quan hệ với người vay:.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng:.....
.....: Số:..... Ngày cấp:.../.../.....
Cơ quan cấp:.....
Diện tích:.....ha, thửa số:.....tại thôn:.....
xã:....., huyện:....., tỉnh:.....
Đất trồng rừng được giao trong..... năm, kể từ năm.....

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

Tên Dự án:.....

A. Trồng rừng sản xuất:

1. Đặc điểm: Trồng mới Tiếp tục trồng, chăm sóc rừng đã trồng
 Trồng 1 loại cây Trồng hỗn hợp nhiều loại cây

2. Loại cây trồng:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Thời gian sinh trưởng (năm)	Dự kiến thời gian thu hoạch (năm)	Sản lượng (m ³)	Giá trị (Triệu đ)
1						
2						
3						
....						

3. Nguồn cung cấp cây/hạt giống (tên, địa chỉ):.....

4. Thời gian thực hiện (tháng):.....



5. Chi phí trồng rừng (chưa bao gồm lãi tiền vay NH):

T T	Khoản mục	Đơn giá	Số lượng	Số tiền	Trong đó		
					Vốn tự có (triệu đ)	Ngân sách hỗ trợ (triệu đ)	Vay NHCSXH (triệu đ)
1							
2							
...							
Tổng cộng							

6. Doanh thu trồng rừng:

TT	Khoản mục	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền (Tr đ)
1				
2				
...				
Tổng cộng				

7. Hiệu quả của trồng rừng

a) Lợi nhuận (Tổng doanh thu – Tổng chi phí):.....triệu đồng.

b) Trả lãi tiền vay NH:.....triệu đồng.

c) Thu nhập ròng (a-b):

B. Phát triển chăn nuôi

1. Mục đích chăn nuôi:.....con.....

2. Thời gian thực hiện (tháng):.....

3. Chi phí chăn nuôi:

STT	Khoản mục	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1				
2				
...				
Tổng cộng				

4. Doanh thu chăn nuôi

TT	Khoản mục	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1				
2				

...

Tổng cộng			
------------------	--	--	--

5. Hiệu quả của chăn nuôi (Tổng doanh thu – Tổng chi phí):.....triệu đồng.

a) Lợi nhuận (Tổng doanh thu – Tổng chi phí):.....triệu đồng.

b) Trả lãi tiền vay NH:.....triệu đồng.

c) Thu nhập ròng (a-b):

C. Hiệu quả của Dự án: Thu nhập ròng:.....triệu đồng.

NHU CẦU VAY VỐN

1. Tổng nhu cầu vốn:.....đồng. Trong đó:

- Vốn tự đồng;

- Vốn Ngân sách hỗ trợ.....đồng;

- Vốn vay NHCSXH:.....đồng (Bằng chữ:.....)

2. Mục đích vay vốn:.....

.....

3. Thời hạn vay:.....tháng.

4. Lãi suất vay:.....%/tháng.

5. Trả lãi theo định kỳ:...../lần.

6. Trả gốc theo định kỳ:.....

7. Nguồn tiền trả nợ, trả lãi:

- Tiền thu về từ bán sản phẩm (gỗ):..... đồng;

- Các nguồn thu khác:.....đồng

8. Cam kết của chủ dự án:

- Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả;

- Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo đúng quy định;

- Trả nợ gốc, lãi tiền vay NHCSXH đủ, đúng hạn;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm với NHCSXH, với pháp luật nếu có vi phạm.

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

Hộ ông (bà).....

Cư trú hợp pháp tại xã, được giao đất trồng rừng và có dự án trồng rừng như trên là đúng.

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm

Người vay vốn

(Ký, ghi rõ họ và tên)



Huyện:

PHIẾU THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN VAY VỐN TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT
(Áp dụng đối với người vay trồng rừng sản xuất trên 50 triệu đồng)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI VAY

1. Họ và tên chủ dự án:, sinh ngày: .../.../.....; Nam/Nữ
CMND số:; cấp ngày: .../.../....., Nơi cấp:
Hiện cư trú: Thôn:, xã
huyện, tỉnh
 Hộ khẩu thường trú;
 Đăng ký tạm trú: thời hạn tháng, kể từ ngày ../.../.....

2. Họ tên người thừa kế:.....Quan hệ với người vay:.....
3. Chủ dự án và người thừa kế có đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự:
 Có Không
4. Được giao ha đất trồng rừng, tại: thửa đất số: thôn:
xã:; huyện:; tỉnh:
5. Thửa đất trồng rừng này:
 Đã được giao sử dụng trồng rừng trong năm, kể từ năm
 Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng/Quyết định giao đất rừng: Số:.....
Ngày cấp:.../.../..... Cơ quan cấp:.....

II. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

A. Trồng rừng sản xuất:

1. Diện tích trồng:.....ha. Trong đó:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Thời gian sinh trưởng (năm)	Dự kiến thời gian thu hoạch (năm)	Sản lượng (m ³)	Giá trị (Triệu đ)
1						
2						
<input type="checkbox"/>						
	Tổng cộng					

2. Dự kiến thu hoạch được:m³ gỗ các loại.
3. Tạo thêm việc làm tương đươnglao động.
4. Tăng thêm thu nhập cho hộ gia đình bình quân:.....triệu đồng/năm.
5. Kỹ năng trồng, chăm sóc rừng của chủ dự án
a) Chủ dự án đã qua lớp tập huấn khuyến lâm về loại cây trồng này?
 Có Không

b) Chủ dự án có đủ kỹ năng về trồng, chăm sóc loại cây trồng này?

Có

Không

6. Thị trường đầu vào, đầu ra

a) Nguồn cung cấp cây/hạt giống (tên, địa chỉ):

b) Dự báo khả năng tiêu thụ sản phẩm trồng rừng tại địa phương:

- Gỗ: Có Không
- Củi: Có Không
- Có Không
- Có Không

7. Doanh thu, chi phí, thu nhập trồng rừng

a	Tổng doanh thu bán sản phẩm rừng trồng	
b	Tổng chi phí trồng rừng	
c	Lợi nhuận [= (1) - (2)]	
d	Trả lãi tiền vay NHCSXH	
đ	Thu nhập ròng [= (3) - (4)]	

B. Phát triển chăn nuôi

1. Mục đích chăn nuôi:.....con.....

2. Thời gian thực hiện (tháng):.....

3. Chi phí chăn nuôi (chưa tính lãi vay NH):

STT	Khoản mục	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1				
2				
...				
	Tổng cộng			

4. Doanh thu chăn nuôi

TT	Khoản mục	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1				
2				
...				
	Tổng cộng			

5. Hiệu quả của chăn nuôi (Tổng doanh thu - Tổng chi phí):.....triệu đồng.

a) Lợi nhuận (Tổng doanh thu - Tổng chi phí):.....triệu đồng.

b) Trả lãi tiền vay NH:.....triệu đồng.



c) Thu nhập ròng (a-b):

III. NGUỒN VỐN VÀ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA CHỦ DỰ ÁN

- Tổng nguồn vốn thực hiện Dự án:.....đồng: Trong đó:
 - Vốn tự đồng;
 - Vốn Ngân sách hỗ trợ.....đồng;
 - Vốn vay NHCSXH:.....đồng (Bằng chữ:.....)
- Nguồn trả nợ: - Từ doanh thu bán sản phẩm rừng trồng: triệu đồng.
 - Từ chăn nuôi:.....triệu đồng.
 - Từ thu nhập khác : triệu đồng.

Tổng cộng: triệu đồng.

IV. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHÁY, PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH

Chủ dự án đã có cam kết, biện pháp nào về bảo vệ môi trường, phòng cháy, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ rừng:

.....

V. PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)
- Phương thức giải ngân (số kỳ, số tiền từng kỳ):
- Thời hạn cho vay:tháng;
- Lãi suất cho vay:%/tháng; Lãi suất quá hạn: Bằng 130% lãi suất cho vay.
- Trả nợ gốc thành kỳ,tháng/kỳ. Trong đó:
 - Trả kỳ 1: ngày/...../....., số tiền:.....đồng.
 - Trả kỳ 2: ngày/...../....., số tiền:.....đồng.
 - Trả kỳ 3: ngày/...../....., số tiền:.....đồng.
 - Trả kỳ 4: ngày/...../....., số tiền:.....đồng,...
 - Trả kỳ cuối cùng: Ngày...../...../.....; số tiền.....đồng
- Trả lãi tiền vay theo định kỳ..... tháng.

Ngày tháng năm

Cán bộ thẩm định

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Trưởng phòng (tổ trưởng) Tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)





SỔ VAY VỐN
(Dùng cho hộ gia đình)

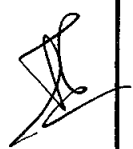
Mã khách hàng:.....

Họ và tên người vay:.....
Tên thường gọi:.....
Địa chỉ:.....
Ngân hàng nơi giao dịch:
.....

HƯỚNG DẪN
SỬ DỤNG SỔ VAY VỐN

1. Bên cho vay cấp Sổ vay miễn phí cho hộ gia đình vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Sổ này thay thế Khế ước nhận nợ. Sổ được dùng lâu dài, khi hết số trang trên Sổ được Ngân hàng đổi Sổ mới.
2. Mỗi lần giao dịch với Ngân hàng, người vay mang Sổ đến điểm giao dịch Ngân hàng tại xã hoặc trụ sở Ngân hàng nơi cấp Sổ.
3. Mỗi lần giao dịch, hộ vay và Ngân hàng đối chiếu số liệu khớp đúng giữa Sổ lưu tại hộ vay và Sổ lưu tại Ngân hàng.
4. Sổ này chỉ có tác dụng giao dịch với chi nhánh Ngân hàng nơi cấp Sổ. Chỉ có người đứng tên người vay trong Sổ, dùng chữ ký hoặc điểm chỉ mới được nhận tiền vay.
5. Khi Sổ bị thất lạc, phải thông báo ngay cho Ngân hàng nơi cấp Sổ xem xét cấp Sổ mới.

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI



SỔ VAY VỐN

(Khách hàng lưu giữ)

1. Họ và tên người vay:
Dân tộc: Giới tính:
Sinh ngày: tháng năm:
CMND số:; Ngày cấp: / /;
Nơi cấp:

Ảnh
(trường hợp
hộ vay
không có
chứng minh
thư)

Nơi cư trú: thôn (ấp), xã (phường, T.trấn)
..... huyện (quận) tỉnh (T.phố)

2. Nghề nghiệp chính của người vay vốn:
3. Số nhân khẩu trong hộ: người; trong đó, số lao động: người.
4. Sổ vay vốn - Quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo nội dung đã ghi trong Sổ vay vốn này.

NGƯỜI VAY VỐN
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

TRƯỞNG PHÒNG (TỔ TRƯỞNG)
TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)
GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
(Ký tên, đóng dấu)

SỔ VAY VỐN - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Sổ vay vốn là giấy nhận nợ của hộ gia đình do người đại diện hộ gia đình đứng tên ký nhận nợ vay NHCSXH (gọi là người vay)

2. Quyền và nghĩa vụ của NHCSXH

2.1. Bên cho vay có quyền:

- a. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của hộ vay.
- b. Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện hộ vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích.
- c. Có quyền định đoạt tài sản hình thành từ vốn vay trong những trường hợp sau:
 - Người vay có tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ;
 - Không có chủ thể kế thừa nghĩa vụ của hộ vay;
 - Xây ra bất kỳ sự kiện pháp lý nào giải phóng người vay khỏi nghĩa vụ cam kết trong Sổ vay vốn.
- d. Gia hạn nợ gốc, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn theo quy định của NHCSXH.

2.2. Bên cho vay có nghĩa vụ:

- a. Thực hiện đúng cam kết thoả thuận trong Sổ vay vốn.
- b. Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của hộ vay

3.1. Hộ vay có quyền:

- a. Từ chối yêu cầu của Bên cho vay không đúng với các thoả thuận trong Sổ vay vốn.
- b. Trả nợ trước hạn.
- c. Khiếu nại, khởi kiện nếu Bên cho vay vi phạm nội dung trong Sổ vay vốn theo quy định của pháp luật.

3.2. Hộ vay có nghĩa vụ:

- a. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp. Chấp hành đúng các quy định cho vay của NHCSXH.
- b. Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong Sổ vay vốn.
- c. Thực hiện trả nợ gốc trực tiếp cho NHCSXH tại điểm giao dịch xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay.
- d. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thoả thuận về việc trả nợ.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN TRONG HỘ GIA ĐÌNH
TẠI THỜI ĐIỂM LẬP SỔ VAY VỐN
(Từ 18 tuổi trở lên)

STT	Họ và tên	Quan hệ với người vay	Ký tên

2. Những thay đổi khác (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN GHI BỔ SUNG HÀNG NĂM KHI CÓ THAY ĐỔI

1. Thay đổi ngành nghề, mở rộng sản xuất, dịch vụ đời sống

.....

.....

.....

.....

.....